

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận đơn vị thực hiện đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã năm 2017

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020;

Xét đề nghị của Hội đồng thực hiện việc xét, đề xuất công nhận xã đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế tỉnh Bình Định tại Biên bản họp ngày 15/12/2017 và đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 356/TTr-SYT ngày 18/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 152 xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã, thành phố thực hiện đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2017; trong đó:

- 147 xã, phường, thị trấn đã được công nhận thực hiện đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã trong các năm từ 2012 đến 2016 tiếp tục duy trì đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã trong năm 2017: *Danh sách theo Phụ lục 1 đính kèm.*

- 05 xã mới thực hiện đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã trong năm 2017: *Danh sách theo Phụ lục 2 đính kèm.*

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Y tế tổ chức thực hiện việc công nhận xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã năm 2017 theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu VP, K1, K10, K15



Nguyễn Tuấn Thanh

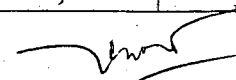
Phụ lục 1:

DANH SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
THỰC HIỆN ĐẠT TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ Y TẾ XÃ ĐẾN NĂM 2016
TIẾP TỤC DUY TRÌ ĐẠT TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ Y TẾ XÃ
TRONG NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 4735 /QĐ-UBND ngày 21 /12/2017
của Ủy ban UBND tỉnh Bình Định)

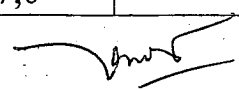
STT	Huyện, thị xã, thành phố	Xã, phường, thị trấn	Điểm đạt 2017	Ghi chú
1	QUY NHƠN (21 xã, phường)	Đống Đa	95,0	
2		Quang Trung	92,5	
3		Nhơn Châu	91,5	
4		Bùi Thị Xuân	96,0	
5		Lê Hồng Phong	93,5	
6		Lý Thường Kiệt	94,0	
7		Hải Cảng	90,0	
8		Ngô Mây	95,5	
9		Nguyễn Văn Cừ	92,0	
10		Trần Hưng Đạo	92,0	
11		Trần Quang Diệu	94,0	
12		Trần Phú	93,5	
13		Nhơn Lý	94,5	
14		Nhơn Phú	92,0	
15		Nhơn Bình	91,5	
16		Thị Nại	95,0	
17		Ghềnh Ráng	95,0	
18		Lê Lợi	97,0	
19		Nhơn Hội	96,0	
20		Nhơn Hải	95,0	
21		Phước Mỹ	95,0	
22	TUY PHƯỚC (13 xã, thị trấn)	Diêu Trì	94,5	
23		Tuy Phước	95,0	
24		Phước Lộc	95,5	
25		Phước An	96,5	
26		Phước Sơn	95,0	
27		Phước Hòa	93,0	
28		Phước Nghĩa	96,0	
29		Phước Hưng	94,5	

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Xã, phường, thị trấn	Điểm đạt 2017	Ghi chú
30		Phước Thuận	95,0	
31		Phước Thành	96,0	
32		Phước Hiệp	95,5	
33		Phước Quang	94,5	
34		Phước Thắng	95,5	
35	AN NHƠN (15 xã, phường)	Nhơn Hạnh	94,5	
36		Bình Định	92,5	
37		Đập Đá	97,0	
38		Nhơn Lộc	95,5	
39		Nhơn Hậu	93,0	
40		Nhơn Hưng	95,5	
41		Nhơn Khánh	93,0	
42		Nhơn Tân	94,5	
43		Nhơn Thọ	86,5	
44		Nhơn Phúc	92,5	
45		Nhơn An	95,5	
46		Nhơn Phong	92,5	
47		Nhơn Hòa	92,0	
48		Nhơn Thành	95,5	
49		Nhơn Mỹ	89,5	
50	PHÙ CÁT (18 xã, thị trấn)	Cát Chánh	98,0	
51		Cát Tiến	99,0	
52		Cát Minh	98,0	
53		Cát Hạnh	95,0	
54		Cát Lâm	96,0	
55		Cát Nhơn	92,5	
56		Cát Khánh	98,0	
57		Cát Tài	97,0	
58		Cát Hiệp	96,0	
59		Cát Hải	93,0	
60		Cát Trinh	93,0	
61		Ngô Mây	96,0	
62		Cát Thành	95,0	
63		Cát Tường	93,0	
64		Cát Hưng	93,5	
65		Cát Tân	93,0	
66		Cát Sơn	91,5	

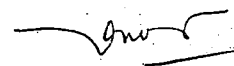


STT	Huyện, thị xã, thành phố	Xã, phường, thị trấn	Điểm đạt 2017	Ghi chú
67		Cát Thắng	94,0	
68	PHÙ MỸ (17 xã, thị trấn)	Bình Dương	95,5	
69		Mỹ Hiệp	95,5	
70		Mỹ Lợi	90,5	
71		Mỹ Lộc	96,0	
72		Mỹ Hòa	95,0	
73		Mỹ Thành	92,5	
74		Mỹ Thọ	91,5	
75		Mỹ Cát	91,0	
76		Mỹ Tài	94,0	
77		Mỹ Thắng	94,5	
78		Mỹ An	94,0	
79		Mỹ Trinh	87,5	
80		Mỹ Châu	94,0	
81		Mỹ Phong	89,0	
82		Mỹ Đức	90,0	
83		Mỹ Chánh	89,0	
84		Mỹ Quang	90,5	
85	HOÀI NHƠN (17 xã, thị trấn)	Hoài Châu	88,0	
86		Hoài Hương	85,0	
87		Bồng Sơn	86,0	
88		Hoài Sơn	82,5	
89		Hoài Châu Bắc	85,5	
90		Tam Quan Nam	88,0	
91		Hoài Hảo	90,5	
92		Hoài Xuân	88,5	
93		Hoài Phú	85,0	
94		Tam Quan Bắc	87,5	
95		Tam Quan	80,5	
96		Hoài Đức	85,0	
97		Hoài Tân	85,5	
98		Hoài Mỹ	88,0	
99		Hoài Thanh Tây	91,0	
100		Hoài Thanh	85,5	
101		Hoài Hải	86,5	
102	TÂY SƠN (15 xã, thị trấn)	Phú Phong	93,0	
103		Bình Nghi	89,0	

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Xã, phường, thị trấn	Điểm đạt 2017	Ghi chú
104		Tây Giang	97,5	
105		Bình Tường	94,5	
106		Tây Thuận	92,5	
107		Tây Phú	95,5	
108		Bình Hòa	94,5	
109		Tây Xuân	95,0	
110		Vĩnh An	85,0	
111		Tây An	93,0	
112		Tây Vinh	92,5	
113		Bình Thành	93,0	
114		Tây Bình	92,5	
115		Bình Thuận	86,5	
116		Bình Tân	89,0	
117	HOÀI AN (12 xã, thị trấn)	Ân Hảo Tây	92,5	
118		Ân Thạnh	93,5	
119		Ân Nghĩa	95,5	
120		Ân Đức	95,0	
121		Ân Tường Tây	94,0	
122		Ân Phong	91,0	
123		Tăng Bạt Hồ	94,0	
124		Ân Hảo Đông	94,0	
125		Ân Tín	95,5	
126		Ân Hữu	96,0	
127		Ân Mỹ	95,0	
128		Ân Sơn	91,0	
129	VÂN CANH (05 xã, thị trấn)	Vân Canh	95,5	
130		Canh Vinh	92,0	
131		Canh Thuận	90,0	
132		Canh Hiến	95,5	
133		Canh Hiệp	87,5	
134	VĨNH THẠNH (07 xã)	Vĩnh Thịnh	93,0	
135		Vĩnh Thuận	88,0	
136		Vĩnh Quang	88,5	
137		Vĩnh Hiệp	91,5	
138		Vĩnh Hảo	86,5	
139		Vĩnh Hòa	86,0	
140		Vĩnh Sơn	87,0	



STT	Huyện, thị xã, thành phố	Xã, phường, thị trấn	Điểm đạt 2017	Ghi chú
141	AN LÃO (07 xã, thị trấn)	An Hòa	93,5	
142		An Tân	96,0	
143		An Trung	89,0	
144		An Hưng	93,5	
145		An Lão	94,0	
146		An Quang	93,5	
147		An Vinh	85,5	
Tổng cộng: 147 xã, phường, thị trấn				



Phụ lục 2:

**DANH SÁCH ĐỊA PHƯƠNG MỚI THỰC HIỆN
ĐẠT TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ Y TẾ XÃ TRỒNG NĂM 2017**
(Kèm theo Quyết định số **4336** /QĐ-UBND ngày **21** /12/2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

STT	Huyện	Xã, thị trấn	Điểm đạt 2017	Ghi chú
01	PHÙ MỸ (02 xã, thị trấn)	Mỹ Chánh Tây	86,0	
02		Phù Mỹ	92,5	
03	VĨNH THẠNH (02 xã, thị trấn)	Vĩnh Kim	86,5	
04		Vĩnh Thạnh	89,5	
05	AN LÃO (01 xã)	An Toàn	82,5	
Tổng cộng: 05 xã, thị trấn				

[Signature]